TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày 21/11/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Xuân Giới và ông Bùi Đức Nhân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Vũ Phương Thanh, là thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: ông Trần Mạnh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 82/2023/TLST- DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 9 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 216/2023/QĐST-DS ngày 27/10/2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần Q (MB); địa chỉ trụ sở: số A, L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; địa chỉ nhận các văn bản tống đạt của Tòa án: tầng 3, tòa nhà M, số F, Lô C, Lê Hồng P, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng.

- *Người đại diện theo pháp luật:* ông Lưu Trung T, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

- *Người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 1846/UQ-MBAMC ngày 24/3/2023):*

1. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1984; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Công ty M1; địa chỉ: tầng C, tòa nhà M, số F, Lô C, Lê Hồng P, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1984; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Công ty M1; địa chỉ: số A L, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

**** Bị đơn:*** ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ A, khu C, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: số D đường số B, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Q do người đại diện là ông Nguyễn Văn O trình bày:

Ngày 28/9/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với anh Nguyễn Quang N ký kết Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số 141188.20.601.8120763.TD, với nội dung: anh Nguyễn Quang N vay của Ngân hàng số tiền 789.000.000 đồng; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng mua xe ô tô số VFCNW-HĐTG/2009.169 ngày 16/9/2020 giữa Công ty cổ phần Ô với ông Nguyễn Quang N; thời hạn cho vay: 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải Ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn cho vay sẽ được quy định trong từng văn bản nhận nợ; thời hạn rút vốn vay kể từ ngày 25/9/2020; lãi suất thả nổi: được quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng và khách hàng; tiền lãi chậm trả: trường hợp khách hàng chậm trả lãi, khách hàng phải thanh toán tiền lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; kỳ hạn trả nợ gốc, nợ lãi vào ngày 05 hàng tháng; tài sản thế chấp là: 01 chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu VINFAST, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 088753 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 25/9/2020, số máy: 00029VF20SED, số khung: IRSFLV001959, biển số: 14A-493.34, đứng tên anh Nguyễn Quang N.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh N vay số tiền 789.000.000 đồng, thể hiện tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LTI 20269000265.ST01/ID2027272245 ngày 28/9/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu anh N trả gốc, lãi đúng theo thỏa thuận hợp đồng, nhưng đến kỳ trả nợ gốc và lãi ngày 05/3/2022 thì anh N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở anh N nhưng không có kết quả nên đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn vào ngày 05/3/2023. Tổng số tiền gốc, lãi anh N đã trả cho Ngân hàng là 356.642.415 đồng, trong đó: tiền gốc là 219.935.171 đồng, nợ lãi trong hạn là 136.569.658 đồng, lãi quá hạn là 121.368 đồng và lãi phạt chậm trả lãi (trong hạn): 16.218 đồng.

Tính đến ngày 13/3/2023, anh N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 627.806.499đ (sáu trăm hai mươi bảy triệu tám trăm linh sáu nghìn bốn trăm chín chín đồng), trong đó: nợ gốc 572.961.000 đồng, nợ lãi trong hạn 34.332.876 đồng, nợ lãi quá hạn là: 12.920.391 đồng, nợ lãi chậm trả nợ lãi (trong hạn) 7.592.232 đồng.

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP Q đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Chấm dứt một phần Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số 141188.20.601.8120763.TD ngày 28/9/2020.

2. Buộc anh Nguyễn Quang N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi (tạm tính đến ngày 13/3/2023) như nêu trên.

3. Buộc anh Nguyễn Quang N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô nêu trên kể từ ngày 14/3/2023 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

4. Trường hợp anh N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

5. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ để trả nợ thì anh Nguyễn Quang N có nghĩa vụ trả nợ tiếp cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ đề nghị chấm dứt một phần Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô nêu trên,cụ thể: chấm dứt phần thỏa thuận cho vay (phần 1) của Hợp đồng này, các nội dung khác của yêu cầu khởi kiện nêu ở phần trên trong quá trình giải quyết vụ án vẫn giữ nguyên. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Quang N phải trả cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/11/2023) là 678.416.320 đồng, trong đó: nợ gốc 569.064.829 đồng, nợ lãi trong hạn 72.507.899 đồng, nợ lãi quá hạn 25.738.170 đồng, lãi phạt chậm trả lãi trong hạn 11.105.422 đồng. Anh Nguyễn Quang N tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số nợ chưa trả theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và Giấy nhận nợ nêu trên.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Quang N trong quá trình giải quyết vụ án trình bày (tại bản tự khai ngày 10/7/2023):

Ngày 28/9/2020, anh N với Ngân hàng thương mại cổ phần Q ký kết Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số 141188.20.601.8120763.TD; mục đích vay: vay mua xe ô tô VINFAST LUX A2.0, số tiền vay là 789.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ và anh N đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Đảm bảo cho khoản vay trên, anh N đã thế chấp tài sản là 01 chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu VINFAST, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 088753 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 25/9/2020, đứng tên anh Nguyễn Quang N.

Do làm ăn khó khăn, nên bắt đầu từ ngày 06/3/2022, anh N đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, tính đến nay anh N đã trả cho Ngân hàng số nợ gốc, nợ lãi là: 216.039.000 đồng. Tính đến ngày 13/3/2023, anh N còn nợ Ngân hàng số nợ gốc, nợ lãi là 627.806.499đ, trong đó: nợ gốc 572.961.000 đồng, nợ lãi và phí chậm trả là: 54.845.499 đồng. Anh N thu xếp tháng 8 năm 2023 anh N sẽ trả cho Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng và cam kết trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng. Rất mong Ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm một phần lãi để hỗ trợ anh N lúc khó khăn. Trường hợp anh N vi phạm, thì anh N nhất trí xử lý tài sản thế chấp nêu trên.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp nêu trên. Tuy nhiên, việc xem xét,

thẩm định tại chỗ không thực hiện được do bị đơn không chấp hành.Tại biên bản làm việc ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, Ngân hàng thể hiện quan điểm: qua kiểm tra, xác minh, ngân hàng xác nhận chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp nêu trên hiện anh Nguyễn Quang N vẫn đứng tên chính chủ và đang quản lý, sử dụng. Nay, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và tự chịu trách nhiệm về tình trạng pháp lý đối với tài sản thế chấp nêu trên. Ở giai đoạn thi hành án, nếu tài sản thế chấp nêu trên thất thoát không xử lý được thì Ngân hàng sẽ tự chịu trách nhiệm. Tại phiên tòa, Ngân hàng đề nghị căn cứ hướng dẫn của Tòa án tối cao tại công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 về việc giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản thế chấp là ô tô, trường hợp không tiến hành xem xét thẩm định được, đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Việc Tòa án nhân dân thành phố H kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điều khoản 3 Điều 26,điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, khoản 3 Điều 218, các Điều: 298, 299, 303, 317, 319, 320, 357, 398, 422, 463, khoản 1 Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: tranh chấp giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Quang N đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng, anh N không có mục đích lợi nhuận, không có đăng ký kinh doanh, đây là tranh chấp dân sự liên quan đến hợp đồng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc xử vắng mặt bị đơn: sau khi Tòa án thụ lý vụ án, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Tại bản tự khai ngày 10/7/2023, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn. Do đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được giao nộp, thu thập theo đúng trình tự, quy định của pháp luật, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ này, do đó các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chấm dứt một phần hợp đồng cho vay, cụ thể chấm dứt đối với phần thỏa thuận cho vay nêu tại phần 1 Hợp đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu của Ngân hàng không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, cần chấp nhận.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

2.1.Về yêu cầu chấm dứt một phần Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số 141188.20.601.8120763.TD ngày 28/9/2020 như nội dung đại diện nguyên đơn trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều có lời khai xác nhận bị đơn đã nhận đủ số tiền vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo điểm 1.4 Điều 1 và tại điểm c mục 8.4.2.1, mục 8.4.2 mục 8.4 Điều 8 phần I của nội dung Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô nêu trên thể hiện: thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; bên cho vay được chấm dứt cho vay và thu hồi vốn vay trước thời hạn khi bên vay vi phạm các quy định tại Hợp đồng này.

Xét hợp đồng tín dụng còn trong thời hạn và bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên thuộc trường hợp chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận của các bên. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt một phần Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô (châm dứt phần thỏa thuận cho vay tại phần I của hợp đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 422 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về Yêu cầu trả nợ gốc, lãi, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ Đơn khởi kiện, nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về khoản vay tín dụng 789.000.000 đồng ngày 28/9/2020 và xác nhận của bị đơn về nội dung vay nợ tại Ngân hàng, không có ý kiến về số nợ lãi do Ngân hàng yêu cầu anh N phải trả. Do đó, đủ căn cứ xác định Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số 141188.20.601.8120763.TD và văn bản Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LTI 20269000265.ST01/ID2027272245 đều đề ngày 28/9/2020 nêu trên, được ký kết bởi người có thẩm quyền của Ngân hàng với bị đơn trên cơ sở tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng này đã có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm ký kết. Bị đơn đã nhận đủ số tiền vay 789.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 28/9/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên khoản vay chuyển thành nợ quá hạn theo thỏa thuận. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 việc buộc anh Nguyễn Quang N

phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi còn thiếu của Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số nêu trên như yêu cầu của Ngân hàng tại phiên tòa và buộc bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô nêu trên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

2.3. Về yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy:việc thế chấp thể hiện tại phần II của Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô nêu trên, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu VINFAST, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 088753 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 25/9/2020, số máy: 00029VF20SED, số khung: IRSFLV001959, biển số: 14A-493.34, đứng tên chủ sở hữu là anh Nguyễn Quang N. Như vậy, giao dịch thế chấp nêu trên là hợp pháp. Theo mục 18.6, điều 18 phần II của Hợp đồng trên thì nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng này chỉ chấm dứt khi bên vay thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ bảo đảm với Ngân hàng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn không yêu cầu chấm dứt đối với phần thỏa thuận bảo đảm nêu tại phần II của hợp đồng nên phần nội dung hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa Ngân hàng và bị đơn tại phần II Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số 141188.20.601.8120763.TD ngày 28/9/2020 nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2.4. Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Nguyễn Quang N tiếp tục phải thực hiện nghĩa trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của Ngân hàng đã được pháp luật quy định tại các khoản 3 Điều 307 Bộ luật dân sự, do đó có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: anh Nguyễn Quang N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117, 119, khoản 2 Điều 155, Điều 292, 293, 295, 298, 299, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 và Điều 357, khoản 2 Điều 422, Điều 466, Điều 463 của Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/12016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với anh Nguyễn Quang N, cụ thể:

- Chấm dứt một phần Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số 141188.20.601.8120763.TD ngày 28/9/2020. Cụ thể: chấm dứt phần thỏa thuận cho vay nêu tại phần 1 của Hợp đồng này.

- Buộc anh Nguyễn Quang N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền gốc, lãi còn thiếu của Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số 141188.20.601.8120763.TD ngày 28/9/2020 (kèm theo văn bản Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LTI 20269000265.ST01/ID2027272245 ngày 28/9/2020), tính đến ngày xét xử sở thẩm (21/11/2023) là 678.416.320đ (sáu trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm mười sáu nghìn ba trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc là 569.064.829 đồng, nợ lãi trong hạn là 72.507.899 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.738.170 đồng và lãi phạt chậm trả lãi (trong hạn) là 11.105.422 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số 141188.20.601.8120763.TD ngày 28/9/2020 (kèm theo văn bản Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LTI 20269000265.ST01/ID2027272245 ngày 28/9/2020) được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Q với anh Nguyễn Quang N.

- Trường hợp anh Nguyễn Quang N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là: 01 chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu VINFAST, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 088753 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 25/9/2020, số máy: 00029VF20SED, số khung: IRSFLV001959, biển số: 14A-493.34, đứng tên anh Nguyễn Quang N, theo nội dung thỏa thuận bảo đảm nêu tại phần II của Hợp đồng cho vay kiêm bảo đảm ô tô số 141188.20.601.8120.763.TD ngày 28/9/2020 được ký kết giữa được Ngân hàng thương mại cổ phần Q với anh Nguyễn Quang N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp sau khi đã xử lý toàn bộ tài sản thế chấp mà số tiền không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Nguyễn Quang N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí: buộc anh Nguyễn Quang N phải chịu 31.136.652đ (ba mươi mốt triệu một trăm ba sáu nghìn sáu trăm lăm hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 14.550.000đ (mười bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001611, ngày 18/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng